

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRÀ ÔN  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20-10-2021

*“V/v tranh chấp ly hôn”*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trọng Khôi

2. Ông Đặng Văn Hậu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Ngọc Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 về việc: “tranh chấp ly hôn, con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2021/QĐXX-ST ngày 16 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trịnh Quốc D, sinh năm 1990 “vắng mặt”.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị P, sinh năm 1991 “vắng mặt”.

Cùng địa chỉ cư trú: ấp M, xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 08/3/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trịnh Quốc D trình bày: Anh và chị Trần Thị P thành hôn năm 2021, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 18/01/2021. Sau khi kết hôn thì vợ về sống với gia đình anh tại ấp R, xã Q, huyện D, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian chung sống được 02 tháng. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, do không hợp nhau, bất đồng ý kiến, thường cự cãi, vợ không lo làm ăn cùng với anh nên vợ chồng sống không có hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân từ ngày 18/02/2021 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với chị P. Về con chung không có. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý đơn của anh Trịnh Quốc D, Tòa án có tổng đạt Thông báo thụ lý, Thông báo về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng bị đơn chị Trần Thị P không đến Tòa án nên không tiến hành hòa giải được giữa các đương sự. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử và đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng bị đơn chị P vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát trình bày :

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và trình tự, thủ tục xét xử của Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành đầy đủ về quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử cho anh Trịnh Quốc D ly hôn với chị Trần Thị P.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Trịnh Quốc D có nghĩa vụ nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh Trịnh Quốc D khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị P, địa chỉ: ấp P, xã M, huyện R, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Q. Do đó, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn anh Trịnh Quốc D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn chị Trần Thị P được Tòa án đã triệu tập họp nhiều lần mà vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Trịnh Quốc D và chị Trần Thị P kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện O, tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhận kết hôn số: 06

ngày 18/01/2021 và anh chị kết hôn cũng đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của anh D cho rằng, quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng ý kiến, thường cự cãi, vợ không lo làm ăn cùng với anh nên vợ chồng sống không có hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân từ ngày 18/01/2021 đến nay. Xét lời trình bày của anh D phù hợp với lời trình bày của người thân anh chị. Do đó, mâu thuẫn giữa anh D và chị P thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh D là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: không có con chung nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án, sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác nên miễn xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh D nộp 300.000đ án phí ly hôn theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên chấp nhận toàn bộ.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trịnh Quốc D.

1. Về hôn nhân:

Xử cho anh Trịnh Quốc D ly hôn với chị Trần Thị P.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Trịnh Quốc D có nghĩa vụ nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) anh D đã nộp theo biên lai thu số 0016806 ngày 09 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

ĐÃ KÝ

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
  - Viện kiểm sát nhân dân huyện R;
  - Thi hành án dân sự huyện P;
  - Ủy ban nhân dân xã M
- (Giấy CNKH số 06 ngày 18/01/2021)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Hồ Hoàng Phong**